| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUỲNH PHỤ**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 7 năm 2023

*"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Doanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Diệu;
2. Ông Vũ Văn Sâm.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXX-ST ngày 30/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1989

Đăng ký hộ khẩu thường trú:Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Nguyễn Công T1, sinh năm 1988

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Hiện đang chấp hành án tại đội X phân trại số Y trại giam T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

*(Chị T, anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Vũ Thị T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Công T1 có tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 21/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2015 giữa 02 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, anh T1 nghiện ma túy và bị bắt, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, hiện anh T1 đang chấp hành án tại đội X phân trại số Y trại giam T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Công T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 20/11/2010 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 11/7/2013 hiện 02 con chung đang ở cùng Chị T. Ly hôn Chị T đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay Chị T đang làm công nhân tại Công ty TNHH CN F địa chỉ: xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương thu nhập 1 tháng là 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh Nguyễn Công T1 trình bày:* Về quá trình, điều kiện kết hôn, như chị Vũ Thị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2017 anh T1 có vi phạm pháp luật và bị xử 03 năm 09 tháng tù. Năm 2021 anh T1 lại vi phạm pháp luật và bị xử 06 năm 05 tháng tù, hiện anh T1 đang chấp hành án tại đội X phân trại số Y trại giam T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nay Chị T có đơn xin ly hôn thì anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T1 đồng ý ly hôn với Chị T.

Về con chung: Anh và Chị T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 20/11/2010 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 11/7/2013 hiện 02 con chung đang ở cùng Chị T. Ly hôn, anh T1 đề nghị giao 02 con chung cho Chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu giải quyết. Anh T1 xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án.

- *Tại đơn đề nghị của cháu Nguyễn Ngọc L thể hiện:* Cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 20/11/2010 là con đẻ của chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Công T1. Hiện cháu L đang học lớp 7 C trường trung học cơ sở xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nếu Chị T, anh T1 ly hôn thì cháu L có nguyện vọng ở cùng chị Vũ Thị T.

- *Tại đơn đề nghị của cháu Nguyễn Ngọc K thể hiện:* Cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 11/7/2013 là con đẻ của chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Công T1. Hiện cháu K đang học lớp 4 C trường tiểu học cơ sở xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Nếu Chị T, anh T1 ly hôn thì cháu K có nguyện vọng ở cùng chị Vũ Thị T.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn T, cán bộ tư pháp xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và gia đình anh Nguyễn Công T1 thể hiện:*

Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Công T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 21/4/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng Chị T và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cơ sở thôn không nắm được. Năm 2021 anh T1 bị bắt, hiện anh T1 đang chấp hành án tại trại giam T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nay Chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng Chị T, anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 20/11/2010 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 11/7/2013 hiện 02 con chung đang ở cùng Chị T, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải

quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Công T1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị T, anh T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/4/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ và lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T1 bị bắt hiện đang chấp hành án tại trại giam T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đó đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị T đề nghị ly hôn nhưng anh T1 cũng nhất trí ly hôn. Điều này chứng tỏ anh T1 không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T, anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T, xử cho chị được ly hôn anh T1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Công T1 có 02 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 20/11/2010 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 11/7/2013 hiện 02 con chung đang ở cùng Chị T. Ly hôn Chị T, anh T1 đều đề nghị giao con chung cho Chị T nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Ngọc L và cháu Nguyễn Ngọc K đều có nguyện vọng được ở cùng Chị T. Xét nguyện vọng của con chung, kể từ khi vợ chồng ly thân, một mình Chị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Ngọc K cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Công T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Công T1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 20/11/2010 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 11/7/2013. Anh Nguyễn Công T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* Chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0005822 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 14/7/2023). Anh Nguyễn Công T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Quốc Doanh**